

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển
từ nguồn Ngân sách nhà nước năm 2017 (Nguồn vốn của tỉnh)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 3 về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư phát triển NSNN năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các sở, ban, đơn vị thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn Ngân sách nhà nước năm 2017 – Nguồn vốn của tỉnh.

(Có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

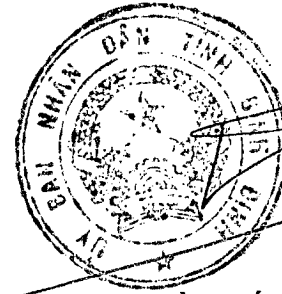
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị

trực thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Trần Văn*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Lưu: VT, K1. *Trần Văn*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ		2.152.260	
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG		557.260	
A.1	Giao huyện, thành phố bố trí (Bố trí tối thiểu cho giáo dục-đào tạo: 22%, Khoa học công nghệ: 4% và ưu tiên trả nợ KLHT cho các dự án, không bố trí KCM khi chưa trả nợ xong)		153.750	
1	Thành phố Quy Nhơn		39.290	
2	Thị xã An Nhơn		12.240	
3	Huyện Tuy Phước		11.770	
4	Huyện Tây Sơn		10.590	
5	Huyện Phù Cát		12.420	
6	Huyện Phù Mỹ		12.240	
7	Huyện Hoài Nhơn		13.440	
8	Huyện Hoài Ân		10.130	
9	Huyện Vĩnh Thạnh		10.570	
10	Huyện Vân Canh		10.250	
11	Huyện An Lão		10.810	
A.2	Trả nợ vay ngân sách		76.150	
A.3	Chuẩn bị đầu tư		10.000	
A.4	Bố trí cho công trình		317.360	
I	Ngành, lĩnh vực Giao thông		77.219	
a	Các dự án hoàn thành		60.312	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT632 (Km0+500 - Km7)	Phù Mỹ	1.500	dứt điểm
2	Nâng cấp tuyến đường ĐT 636B (đoạn từ Cầu Vạn đến trường PTTH số 2 Tuy Phước)	Tuy Phước	130	dứt điểm
3	Tuyến đường BTXM từ thôn Gia Lạc đi thôn Trung Chánh, xã Cát Minh	Phù Cát	500	dứt điểm
4	Đường GTNT xã Hoài Tân (Đường bê tông GTNT từ nhà Phương đến nhà Lai, xã Hoài Tân)	Hoài Nhơn	1.600	dứt điểm
5	Cầu Bến Trâu	Hoài Nhơn	510	dứt điểm
6	Đường BTXM xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	Tuy Phước	2.500	dứt điểm
7	Cầu Nhị Hà	Vân Canh	1.650	dứt điểm
8	Đường bê tông giao thông nông thôn và cầu qua kênh N1	Hoài Nhơn	1.260	dứt điểm
9	Đường Bạch Đằng, thị trấn Bồng Sơn	Hoài Nhơn	1.260	dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
10	Đường từ trung tâm xã Ân Sơn đến Khu định canh định cư Đồng Nhà Mươi	Hoài Ân	934	dứt điểm
11	Nâng cấp tuyến đường ĐT.639 đến Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Hương	Hoài Nhơn	2.840	dứt điểm
12	Kè chống xói lở Gò Mũi, xã Tây Vinh	Tây Sơn	1.800	Dứt điểm
13	Tuyến đường ĐT.639 thuộc địa phận xã Hoài Hương (đoạn từ cầu Lại Giang đi UBND xã Hoài Hương)	Hoài Nhơn	2.100	Dứt điểm
14	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐT632 (đoạn Km24+00 - Km33+00)	Phù Mỹ	3.650	dứt điểm
15	Tuyến đường BTXM vào nhà máy may Phù Cát (Tổng công ty may Nhà Bè), đoạn từ nhà máy may Nhà Bè đến đường tỉnh lộ ĐT635 cũ	Phù Cát	1.100	dứt điểm
16	Đường BTXM tuyến từ Quốc lộ 19 đi thôn 4 (thôn KTM Đồng Cẩm)	Tây Sơn	1.300	dứt điểm
17	Đường BTXM liên xã từ xã Cát Tân, huyện Phù Cát đến xã Bình Thuận huyện Tây Sơn	PC, TS	620	dứt điểm
18	Bê tông GTNT xã Mỹ Hòa	Phù Mỹ	1.978	dứt điểm
19	Tuyến đường từ thôn Kiều Huyền đến thôn Kiều An, xã Cát Tân	Phù Cát	380	dứt điểm
20	Cầu Lò Ổ, xã Cát Tường	Phù Cát	3.000	
21	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Tài Tuyến từ đường Cạnh tranh nông nghiệp đến nghĩa địa thôn Thái Phú	Phù Cát	1.200	
22	Đường từ ngã ba Cát Tiến đến khu du lịch tâm linh Linh Phong	Phù Cát	2.500	
23	Đường BTXM liên xã Cát Lâm - Cát Hiệp (Tuyến từ đường ĐT.634 đến giáp đường Tây tỉnh)	Phù Cát	2.000	
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đình Công - Mỹ Khánh, xã Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	3.000	
25	Nâng cấp, mở rộng đường vào trang trại nuôi heo công nghiệp công nghệ cao	Hoài Ân	2.000	
26	Đường BTXM tuyến Vạn Lộc (xã Mỹ Hiệp) đi Trung Thành (xã Mỹ Quang)	Phù Mỹ	2.500	
27	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường giao thông chính từ Quốc lộ 1A thuộc xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ đi đường phía Tây tỉnh	Phù Mỹ	2.500	
28	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào Nhà máy may Hoài Ân	Hoài Ân	2.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Nhơn Hạnh (An Nhơn) đi Cát Nhơn (Phù Cát)	An Nhơn	1.800	
30	Đường BTXM liên xã Cát Trinh - Cát Hiệp	Phù Cát	1.500	
31	Cầu Tân Hòa, xã Cát Tân	Phù Cát	2.000	
32	Tuyến đường liên xã từ thôn Vĩnh Bình xã Mỹ Phong đến giáp tuyến đường ĐT632 xã Mỹ Lợi	Phù Mỹ	1.500	
33	Đường từ làng M2 đến làng M3 xã Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	1.000	
34	Bê tông giao thông nông thôn xã Hoài Phú	Hoài Nhơn	1.200	dứt điểm
35	Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cát Thắng (tuyến từ cầu Trảy thôn Hưng Trị xã Cát Thắng đi thôn Trung Bình xã Cát Nhơn)	Phù Cát	1.500	
36	Cầu giao thông nông thôn tuyến từ ngã ba Chợ Gồm đi Khánh Phước, xã Cát Hạnh	Phù Cát	1.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		16.907	
1	Cầu bến Bằng Lăng	Hoài Ân	4.553	
2	BTXM tuyến đường từ Thuận Nhất đến giáp huyện Phù Cát	Tây Sơn	1.000	
3	Cầu tràn Muong Cát thuộc tuyến đường từ tỉnh lộ ĐT.635 đến cầu Thầu Đâu xã Cát Nhơn	Phù Cát	2.500	
4	Đường Thanh Niên nối dài (thị trấn Phù Mỹ) đi xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	2.500	
5	Tuyến đường giao thông từ Cụm công nghiệp Hoài Hảo - Đập Ân, xã Hoài Hảo	Hoài Nhơn	1.000	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mộc Bài - Mỹ Thành	Hoài Ân	2.500	
7	BTXM tuyến cầu Phong Thạnh đến khu di tích lịch sử Núi Chéo	Hoài Ân	1.854	
8	Đường bao ven sông Côn khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh (từ Suối Cạn - đường ĐT 637)	Vĩnh Thạnh	1.000	
II	Thủy lợi		93.211	
a	Các dự án hoàn thành		78.311	
1	Kênh mương nội đồng xã Vĩnh Hiệp	Vĩnh Thạnh	570	Dứt điểm
2	Kè chống xói lở đê sông Côn (đoạn thượng, hạ lưu cầu Tuân Lễ)	Tuy Phước	2.802	Dứt điểm
3	Kè Canh Thành	Vân Canh	237	Dứt điểm
4	Đê sông Cạn (Đoạn thượng lưu cầu Bờ Mun thôn Đông An, xã Mỹ Chánh)	Phù Mỹ	700	Dứt điểm
5	Kè thôn Kinh tế mới xã Canh Vinh	Vân Canh	1.294	
6	Đê và đập dâng Bộ Tồn	Phù Cát	2.500	

20

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
7	Sửa chữa đê Đá Han, xã Cát Tường	Phù Cát	650	Dứt điểm
8	Đê biển Nam hạ lưu đập Nha Phu	Tuy Phước	3.000	
9	Kiên cố hóa kênh tưới thuộc hồ chứa nước Hồ Giang, xã Hoài Châu	Hoài Nhơn	2.500	
10	Đê đội 5 khu vực Bằng Châu	An Nhơn	400	Dứt điểm
11	Đê bao Nhơn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	An Nhơn	1.565	Dứt điểm
12	Kè chống xói lở Suối Xem, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	4.000	
13	Kè chống xói lở thôn Công Thạnh (gđ 2)	Hoài Nhơn	4.000	
14	Hệ thống kênh mương Đồng Đồn làng M6, xã Bình Tân	Tây Sơn	3.077	
15	Bờ Ngự Thủy thôn Tân Kiều (đoạn từ bến Đập Bình đến bến đò ông Cảnh), thị xã An Nhơn	An Nhơn	700	
16	Đập dâng Ngã Ba - Cầu Tiến, xã Hoài Châu Bắc	Hoài Nhơn	2.000	Dứt điểm
17	Đê sông Kôn đoạn hạ lưu tràn 3 xã	Tuy Phước	4.000	
18	Kè Đá Huê, xã Canh Thuận	Vân Canh	555	Dứt điểm
19	Kè chống xói lở đê hạ lưu Cầu Vạn	Tuy Phước	2.916	Dứt điểm
20	Đê sông Nghèo (đoạn bờ tả, hạ lưu cầu bến Tranh), thị xã An Nhơn	An Nhơn	2.000	
21	Đập dâng Đập Trị	Phù Mỹ	562	Dứt điểm
22	Đập dâng Cây Mít	Phù Cát	3.516	Dứt điểm
23	Cải tạo hệ thống kênh T (đoạn từ cầu Cho đến cầu Đá)	Phù Mỹ	1.846	Dứt điểm
24	Bê tông kênh mương xã Canh Vinh	Vân Canh	894	Dứt điểm
25	BTXM kênh tưới xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	2.848	Dứt điểm
26	Kiên cố hóa kênh mương đầu mối đập dâng Lộ Nồi	Phù Cát	2.500	Dứt điểm
27	Bê tông kênh mương xã Hoài Thanh	Hoài Nhơn	1.369	Dứt điểm
28	Đê biển hạ lưu đập ngăn mặn Bạt Dừa (đoạn phía Bắc hạ lưu cầu Trường Úc)	Tuy Phước	560	Dứt điểm
29	Đập Bà Lánh, xã Hoài Hào	Hoài Nhơn	1.495	Dứt điểm
30	Đê sông Tân An - Đoạn Phước Quang, Phước Hiệp	Tuy Phước	1.500	Dứt điểm
31	Gia cố đê sông Hà Thanh - Tuy Phước (đoạn Vũng Lở - đội 3, thị trấn Diêu Trì)	Tuy Phước	1.746	Dứt điểm
32	Bảo vệ mái đê suối Cầu Đu, huyện Phù Cát	Phù Cát	4.538	Dứt điểm
33	Kè chống xói lở suối Tà Dọt xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	943	Dứt điểm
34	Dự án Hồ chứa nước Cẩn Hậu	Hoài Nhơn	190	Dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
35	Dự án Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Ông Lành	Vân Canh	32	Dứt điểm
36	Dự án Hồ chứa nước Trong Thượng	An Lão	299	Dứt điểm
37	Kè Suối Mây	Vân Canh	1.007	Dứt điểm
38	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hóc Xeo	Phù Cát	5.000	Dứt điểm
39	Kè tả ngạn bờ sông cầu Đỏ, xã Phước Hiệp	Tuy Phước	1.000	
40	Kè đê sông Hà Thanh đoạn từ nhà ông Thành đến nhà ông Sơn làng Hiệp Giao	Vân Canh	3.500	
41	Đê biển hạ lưu đập Nha Phu (giai đoạn 2)	Tuy Phước	3.500	
b	Các dự án chuyển tiếp		14.900	
1	Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Diêu Trì	Tuy Phước	2.000	
2	Kênh tiêu úng bầu Chánh Trạch	Phù Mỹ	2.500	
3	Sửa chữa công trình đập dâng Đập Cát - Hệ thống tưới Thạnh Hòa	Tuy Phước	1.400	
4	Kè soi ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	An Nhơn	2.500	
5	Đập dâng đập Mới, huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	1.000	
6	Kè sông Kôn đoạn Trường Cửu và đoạn kè thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc	An Nhơn	2.500	
7	Kiên cố hóa kênh mương hồ chứa nước Diêm Tiêu	Phù Mỹ	2.000	
8	Kè sông Gò Châm, khu vực Phò An, P Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	An Nhơn	1.000	
III	Cấp nước		2.000	
a	Các dự án hoàn thành		2.000	
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cát Khánh	Phù Cát	2.000	
IV	Khu tái định cư vùng thiên tai		3.000	
	Các dự án chuyển tiếp		3.000	
1	Khu tái định cư vùng thiên tai Nhơn Hải (mở rộng)	Quy Nhơn	3.000	
V	Thương mại		1.500	
	Các dự án chuyển tiếp		1.500	
1	Chợ Định Bình	Vĩnh Thạnh	1.500	thực hiện gđ 2
VI	Ngành Thông tin và truyền thông		4.122	
a	Các dự án hoàn thành		1.122	
1	Nâng cấp, xây dựng hệ thống mạng tại Trung tâm hạ tầng thông tin Bình Định	Quy Nhơn	722	dứt điểm
2	Đầu tư nâng cấp Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tại Văn phòng UBND tỉnh năm 2016	Quy Nhơn	400	dứt điểm
b	Các dự án chuyển tiếp		3.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020	Quy Nhơn	3.000	
VII	Ngành Lao động Thương binh và Xã hội		2.500	
a	Các dự án chuyển tiếp		2.500	
1	Đền thờ liệt sỹ huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	1.500	
2	Sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ xã Phước Hiệp (thực hiện giai đoạn 1)	Tuy Phước	300	
3	Nghĩa trang liệt sỹ xã Bình Tân huyện Tây Sơn	Tây Sơn	300	
4	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Phước Hưng huyện Tuy Phước	Tuy Phước	400	dứt điểm
VIII	Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch		5.636	
a	Các dự án hoàn thành		5.636	
1	Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã Hoài Thanh	Hoài Nhơn	466	dứt điểm
2	Sửa chữa Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh	Quy Nhơn	2.500	dứt điểm
3	Xây dựng Nhà Văn hóa xã Phước Hưng	Tuy Phước	670	dứt điểm
4	Xây dựng lại nhà bia tưởng niệm và một số hạng mục khác của tượng đài liệt sỹ Trung tâm thị xã An Nhơn	An Nhơn	2.000	
IX	Phát thanh-Truyền hình		5.137	
a	Các dự án chuyển tiếp		5.137	
1	Đầu tư mua sắm, lắp đặt trang thiết bị nhằm hiện đại hóa Đài Phát thanh và truyền hình Bình Định	Quy Nhơn	5.137	dứt điểm
X	Ngành Khoa học và Công nghệ		5.800	
a	Các dự án hoàn thành		5.800	
1	Dự án: Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giai đoạn 2015-2020	Quy Nhơn	2.000	
2	Đầu tư tăng cường tiềm lực về chiều sâu của TT Phân tích và Kiểm nghiệm Bình Định giai đoạn 2012-2014	Quy Nhơn	2.000	
3	Dự án Tuyến đường nội bộ phía Nam ven chân đồi và san lấp mặt bằng XD Nhà suy ngẫm thuộc Trung tâm Quốc tế khoa học và GD liên ngành	TP Quy Nhơn	1.800	
XI	Ngành Giáo dục và Đào tạo		17.429	
a	Các dự án chuyển tiếp		17.429	
1	Trường THCS Nhơn An	An Nhơn	650	
2	Trường mẫu giáo Mỹ Trinh	Phù Mỹ	1.500	

2m

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
3	Trường tiểu học Nhơn Hội	Quy Nhơn	1.000	
4	Sửa chữa Trường Quốc Học, Quy Nhơn	Quy Nhơn	500	
5	Trường mẫu giáo Cát Nhơn (thôn Liên Trì Đông)	Phù Cát	124	
6	Trường mẫu giáo Ân Tường Tây; Hạng mục: Nhà lớp học 02 phòng thôn Hà Tây; Nhà lớp học 2 Phòng thôn Phú Hữu)	Hoài Ân	800	
7	Trường TH Tăng Bạt Hổ	Hoài Ân	1.000	
8	Trường mầm non Ân Tín	Hoài Ân	1.000	
9	Trường Mầm non xã Ân Phong	Hoài Ân	1.000	
10	Trường Tiểu học số 2 Cát Tài (điểm trường Chánh Danh)	Phù Cát	1.300	
11	Trường THCS Tây Phú (nhà lớp học bộ môn 2 tầng)	Tây Sơn	1.300	
12	Mầm non Vĩnh Thạnh (HM: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, nhà bếp)	Vĩnh Thạnh	1.500	
13	Trường TH số 1 Nhơn Mỹ (thôn Thiết Trảng)	An Nhơn	255	
14	Trường TH số 1 thị trấn Vân Canh	Vân Canh	750	
15	Trường THCS Phước Hưng	Tuy Phước	700	
16	Trường TH số 2 thị trấn Diêu Trì, hạng mục 8 phòng	Tuy Phước	550	
17	Trường THCS Phước Quang	Tuy Phước	300	
18	Trường mầm non Phước Hòa	Tuy Phước	1.200	
19	Trường TH Hoài Hải	Hoài Nhơn	500	
20	Trường Mẫu giáo Hoài Mỹ (2 tầng, 8 phòng)	Hoài Nhơn	500	
21	Trường Mẫu giáo Hoài Sơn	Hoài Nhơn	500	
22	Trường THCS Mỹ Thành	Phù Mỹ	500	
XII	LĨNH VỰC QLNN - ANQP		49.807	
a	Các dự án hoàn thành		29.790	
1	Sửa chữa nhà làm việc Hạt kiểm lâm huyện Hoài Ân	Hoài Ân	350	Dứt điểm
2	Nhà làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quy Nhơn	1.736	Dứt điểm
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị Tây Sơn	Tây Sơn	1.857	Dứt điểm
4	Nhà làm việc Khối Dân Vận - Mặt trận huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	1.500	
6	Trụ sở Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội	Quy Nhơn	1.966	Dứt điểm

2m

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
7	Văn phòng thường trực tìm kiếm cứu nạn thuộc Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Quy Nhơn	1.110	Dứt điểm
8	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Tây Phú	Tây Sơn	1.465	Dứt điểm
9	Trụ sở làm việc UBND xã Phước Hòa	Tuy Phước	2.685	Dứt điểm
10	Cải tạo nâng cấp Nhà ăn, bếp Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Quy Nhơn	2.300	Dứt điểm
11	Trụ sở UBND xã Phước Thuận	Tuy Phước	550	Dứt điểm
12	Trụ sở làm việc UBND xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	3.000	
13	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Canh Vinh	Vân Canh	3.000	Dứt điểm
14	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	2.903	Dứt điểm
15	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp	Quy Nhơn	689	Dứt điểm
16	Cải tạo, sửa chữa để bố trí phòng làm việc lãnh đạo UBND tỉnh và phòng họp của UBND tỉnh	Quy Nhơn	1.548	Dứt điểm
17	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà khách Thanh Bình	Quy Nhơn	2.000	
18	Dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm tỉnh	TP Quy Nhơn	1.131	Dứt điểm
b	Các dự án chuyển tiếp		20.017	
1	Trụ sở làm việc UBND xã Hoài Thanh Tây	Hoài Nhơn	3.000	
2	Đoanh trại Đại đội Công binh	Quy Nhơn	4.000	
3	Trạm Biên phòng Cửa khẩu cảng Quy Nhơn	Quy Nhơn	2.993	Dứt điểm
4	Nhà làm việc Trung tâm QH nông nghiệp	Quy Nhơn	2.534	Dứt điểm
5	Nhà làm việc thanh tra tỉnh	Quy Nhơn	1.990	Dứt điểm
6	Trường Quân sự tỉnh Bình Định	Phù Cát	4.000	
7	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định	toàn tỉnh	1.500	
XIII	Danh mục các dự án đã bố trí vốn vay NH PTVN năm 2016 chưa có nguồn thanh toán		40.000	Xem Phụ lục
XIV	Trả nợ các công trình quyết toán		10.000	
B	NGUỒN VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		1.100.000	

Zm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
B.1	Giao huyện, thành phố bố trí (Bố trí tối thiểu cho giáo dục-đào tạo: 22%, Khoa học công nghệ: 4% và ưu tiên trả nợ KLHT cho các dự án, không bố trí KCM khi chưa trả nợ xong)		400.000	
1	Thành phố Quy Nhơn		150.000	
2	Thị xã An Nhơn		55.000	
3	Huyện Tuy Phước		50.000	
4	Huyện Tây Sơn		20.000	
5	Huyện Phù Cát		30.000	
6	Huyện Phù Mỹ		35.000	
7	Huyện Hoài Nhơn		50.000	
8	Huyện Hoài Ân		5.000	
9	Huyện Vĩnh Thạnh		2.000	
10	Huyện Vân Canh		1.000	
11	Huyện An Lão		2.000	
B.2	Trả nợ ngân sách		200.000	
B.3	Quỹ phát triển đất		35.000	
B.4	Hỗ trợ đầu tư hợp tác bên Lào		1.500	
B.5	Bố trí cho công trình		463.500	
I	Xây dựng nông thôn mới		10.000	
II	Đối ứng ODA		25.000	
III	Chi phí thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành		3.000	
IV	Chương trình bê tông giao thông nông thôn và KCH kênh mương (đã bố trí vốn vay NH PTVN năm 2016 nhưng không có nguồn)		60.000	
V	Hoàn trả NST đã tạm ứng trả TW thu hồi theo NQ11		4.000	
VI	Hỗ trợ đầu tư các công trình phúc lợi cho tỉnh Hà Tĩnh		5.000	
VII	Bồi thường GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh		85.000	
VIII	Ngành Giao thông		120.430	
a	Các dự án hoàn thành		12.430	
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ cổng đến nhà ga sân bay)	Phù Cát	1.454	dứt điểm
2	Cầu Lạc Điền (Km1+004 tuyến ĐT640)	Tuy Phước	1.476	dứt điểm
3	Mua sắm, lắp đặt camera và cân tải trọng phục vụ công tác quản lý và bảo vệ cầu Thị Nại	Quy Nhơn	1.000	thu hồi tạm ứng
4	Cầu Sờ Bắc, xã Cát Tường	Phù Cát	2.000	Dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Đường phía Tây tỉnh Bình Định (An Nhơn - Hoài Nhơn) HM S/C mặt đường đoạn Km 49 - Km55	Hoài Ân	2.000	
6	Thay thế 22 bó cáp dự ứng lực ngoài và 12 khe co giãn của cầu Thị Nại	Quy Nhơn	2.500	
7	Nâng cấp tuyến đường ĐT630 (đoạn ngã 4 Gò Cau - Dốc Truong Sỏi)	Hoài Ân	2.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		108.000	
1	Đường từ xã Vĩnh Thuận (huyện Vĩnh Thạnh-tỉnh Bình Định) đến xã Cửu An (thị xã An Khê-tỉnh Gia Lai)	Vĩnh Thạnh	2.000	
2	Đường GTNT phía Nam xã Cát Minh, huyện Phù Cát	Phù Cát	2.000	
3	Tuyến đường dọc kênh lại Giang, thị trấn Bồng Sơn (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4)	Hoài Nhơn	2.000	
4	Xây dựng tuyến đường ĐT 630 (đoạn Truong Sỏi Kim Sơn)	Hoài Ân	2.000	
5	Đường phía Tây tỉnh (ĐT 639B) (HM: Km130+00 - Km 137+580)	VC-QN	50.000	
6	Đường trục Khu kinh tế nổi dài (gđ 1)	KKT Nhơn Hội	50.000	
IX	Thủy lợi		33.697	
a	Các dự án hoàn thành		15.693	
1	Gia cố kè chống sạt lở đường đến xã Đăk Mang	Hoài Ân	414	Dứt điểm
2	Chống xói lở dọc bờ sông Kôn (Bờ kè soi Tà Má)	Vĩnh Thạnh	919	Dứt điểm
3	Kè chống xói lở thôn Thạnh Xuân Đông (gđ 2)	Hoài Nhơn	1.594	
4	Kênh mương nội đồng xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	600	Dứt điểm
5	Hệ thống kênh mương cấp nước nuôi trồng thủy sản xã Phước Thắng, Phước Hòa	Tuy Phước	2.190	Dứt điểm
6	Bê tông kênh mương trên địa bàn huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	2.500	
7	Kè xã Hoài Xuân đoạn từ Km0+774,69 đến Km	Hoài Nhơn	2.000	
8	Kè bờ sông Văn Lãng đoạn thôn Lộc Thuận xã Nhơn Hạnh đến gò Ứng xã Phước Thắng	An Nhơn	2.135	Dứt điểm
9	Đập dâng Toi Đó, Sơn Lãnh, xã Cát Sơn	Phù Cát	1.341	Dứt điểm
10	Kênh chính và công trình trên kênh thuộc công trình Nâng cấp hồ chứa nước Hóc Môn	Phù Mỹ	2.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		18.004	

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Kiên cố hóa bê tông kênh mương xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	Phù Cát	2.500	
2	Hệ thống kênh mương 3 bầu Thiện Đức, xã Hoài Hương	Hoài Nhơn	2.104	
3	Đê sông Cây Me (đoạn thượng, hạ lưu cầu Đội Thông)	Tuy Phước	2.500	
4	Kè chống sạt lở Nam sông Lại Giang (đoạn từ kè cũ đến Cầu Phao)	Hoài Nhơn	2.000	
5	Đường giao thông liên xã từ xã Cát Tường đi xã Cát Trinh	Phù Cát	1.500	
6	Kè chống xói lở thôn thanh Xuân Đông (giai đoạn 3)	Hoài Nhơn	1.100	
7	Trạm bơm điện Mỹ Trang, xã Mỹ Châu	Phù Mỹ	1.500	
8	Đê thượng hạ lưu đập Thanh Quang, xã Phước Thắng	Tuy Phước	1.300	
9	Kè đá phía hạ lưu, thượng lưu đập dâng bộ tồn, xã Cát Khánh (giai đoạn 1)	Phù Cát	2.000	
10	Kiên cố hệ thống kênh tưới N1-2C - Hệ thống tưới Cây Gai	Tuy Phước	500	
11	Dự án Tu bổ đê điều năm 2017 tỉnh Bình Định	Quy Nhơn, Tuy Phước	1.000	
X	Hạ tầng giống		3.741	
a	Các dự án hoàn thành		3.741	
1	Trại nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa, mùa An Nhơn	An Nhơn	2.241	Dứt điểm
2	Vườn ươm giống cây ngập mặn	Tuy Phước	1.500	
XI	Nước sạch nông thôn		12.988	
a	Các dự án hoàn thành		10.488	
1	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Nhơn Hải	Quy Nhơn	1.500	Dứt điểm
2	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước xã Mỹ Phong	Phù Mỹ	1.995	Dứt điểm
3	Mở rộng đường ống cấp nước công trình Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	Phù Mỹ	2.000	
4	Cấp nước Sinh hoạt xã Canh Vinh, Canh Hiền và Canh Hiệp	Vân Canh	2.000	
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tự chảy xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân	Hoài Ân	493	Dứt điểm
6	Cấp nước sinh hoạt xã Canh Thuận	Vân Canh	2.500	
b	Các dự án chuyển tiếp		2.500	
1	Cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn	An Nhơn	2.500	
XII	Công - Thương mại		2.500	
a	Các dự án hoàn thành		2.000	

2017

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Chợ Hoài Hương	Hoài Nhơn	2.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		500	
1	Chợ Gồm, xã Cát Hanh	Phù Cát	500	
XIII	Khu kinh tế, khu công nghiệp		9.670	
a	Các dự án hoàn thành		9.670	
1	Khu tái định cư Cát Tiến (mới)	KKT	1.019	Dứt điểm
2	Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội	KKT	335	Dứt điểm
3	Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ Khu tái định cư Nhơn Phước	KKT	618	Dứt điểm
4	HTKT Khu trung tâm Khu kinh tế Nhơn Hội	KKT	1.318	Dứt điểm
5	Khu nghĩa địa, cải táng Cát Nhơn - Cát Hưng	KKT	167	Dứt điểm
6	Khu xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Hội	KKT	695	Dứt điểm
7	Trồng rừng phòng hộ và cảnh quan trong KKT Nhơn Hội	KKT	132	Dứt điểm
8	Đường dẫn ra Cảng tổng hợp KKT Nhơn Hội	KKT	1.337	Dứt điểm
9	HTKT Khu TĐC phục vụ KCN Long Mỹ	TP Quy Nhơn	227	Dứt điểm
10	HTKT Khu TĐC phường BTX gđ 2, 3	TP Quy Nhơn	2.103	Dứt điểm
11	Thảm nhựa các tuyến đường trong Khu TĐC Nhơn Phước (gđ 1)	KKT	52	Dứt điểm
12	Mương thoát nước mưa phía Bắc Khu TĐC p. Trần Quang Diệu	TPQN	14	Dứt điểm
13	Hệ thống điện chiếu sáng từ cầu Thị Nại đến Nhơn Lý	KKT Nhơn Hội	1.653	
XIV	Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch		4.228	
a	Các dự án hoàn thành		1.728	
1	Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Quy Nhơn	1.728	Dứt điểm
b	Các dự án chuyển tiếp		2.500	
1	Khu tường niệm liệt sỹ Thuận Ninh	Tây sơn	500	
2	Khu di tích lịch sử Núi Chéo	Hoài Ân	2.000	
XV	Hạ tầng kỹ thuật		5.700	
a	Các dự án hoàn thành		1.900	
1	Hạ tầng khu dân cư nông thôn xã Cát Tiến (2,7ha), huyện Phù Cát	Phù Cát	1.900	Dứt điểm
b	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2017		3.800	
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất dọc đường Hoa Lư	Quy Nhơn	3.800	
XVI	LĨNH VỰC QLNN - ANQP		29.936	
a	Các dự án hoàn thành		23.636	
1	Trụ sở làm việc UBND xã Canh Hiền	Vân Canh	323	Dứt điểm

2m

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Cơ sở làm việc phòng cảnh sát đường thủy thuộc công an tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	1.467	Dứt điểm
3	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	770	Dứt điểm
4	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vân Canh	Vân Canh	1.400	Dứt điểm
5	Trụ sở HĐND và UBND xã Vĩnh Hảo	Vĩnh Thạnh	1.890	Dứt điểm
6	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Tây An	Tây Sơn	2.540	Dứt điểm
7	Mua sắm sửa chữa hội trường phục vụ đại hội Đảng bộ tỉnh	Quy Nhơn	360	Dứt điểm
9	Trung tâm thông tin Chỉ huy Công an tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	889	Dứt điểm
10	XD trụ sở Tỉnh đoàn Bình Định	Quy Nhơn	3.381	Dứt điểm
11	Sửa chữa trụ sở làm việc Hội cựu chiến binh tỉnh	Quy Nhơn	22	Dứt điểm
12	Nhà làm việc BQL rừng đặc dụng An Toàn	An Lão	1.000	
13	Đường hầm phía trước TP QN Sh01-BĐ2005	Quy Nhơn	873	Dứt điểm
14	Các trận địa súng máy phòng không 12,7ly trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009-2012	toàn tỉnh	1.101	Dứt điểm
15	Hạt kiểm lâm Tây Sơn	Tây Sơn	180	
16	Kho lưu trữ của VPUBND tỉnh	Quy Nhơn	507	Dứt điểm
17	Nhà làm việc Sở Giao thông vận tải	Quy Nhơn	4.000	
18	Trung tâm quy hoạch và Kiểm định xây dựng	Quy Nhơn	100	Dứt điểm
19	Trường bắn, thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang huyện Phù Mỹ	Phù Mỹ	607	Dứt điểm
20	Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh Bình Định	Hoài Nhơn	204	Dứt điểm
21	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy, trụ sở khối Dân vận - Mặt trận huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	450	Dứt điểm
22	Đầu tư trang thiết bị số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh BĐ gđ 1903-2007	Quy Nhơn	772	Dứt điểm
23	Trụ sở xã Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	800	
b	Các dự án chuyển tiếp		6.300	
1	Đường hầm Sh02-BĐ13	Hoài Nhơn	2.000	
2	Doanh trại dBB52/e739	Quy Nhơn	2.500	
3	Trụ sở Đội Quản lý thị trường số 1, thị trấn Bồng Sơn	Hoài Nhơn	1.800	
XVII	CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2017		48.610	
1	Cầu Bù Nú - Hoài Ân	Hoài Ân	2.000	

2m

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Tuyến đường từ QL 1A cũ đến đến Gò Dài và Khu dân cư dọc tuyến	Hoài Nhơn	4.000	
3	TT cá Koi Bình Định	Phù Mỹ	4.000	
4	Cầu Đập Đá cũ, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	An Nhơn	2.000	
5	Xây dựng nhà công vụ Huyện ủy Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	500	
6	SC trụ sở Sở Du Lịch	Quy Nhơn	1.000	
7	Tuyến đường vào trụ sở Phòng Cảnh sát đường thủy	Quy Nhơn	1.000	
8	DA hệ thống điện phục vụ trạm bơm nước sạch Suối Phướng và khu dân dân làng Đắc Đâm, huyện Vân Canh	Vân Canh	860	
9	Bến cập tàu và kè chắn sóng Trạm kiểm soát biên phòng Mũi Tấn thuộc Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quy Nhơn	Quy Nhơn	1.000	
10	Trụ sở xã đội (14 xã trọng điểm quốc phòng an ninh)	t toàn tỉnh	2.450	
11	SC NLV chi cục kiểm lâm tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	400	
12	SC trạm kiểm lâm An Trường	An Nhơn	600	
13	Trang bị máy thông tin liên lạc phục vụ tìm kiếm cứu nạn của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	Quy Nhơn	400	
14	Xây dựng tuyến đường và hệ thống điện vào Khu SH02-BĐ thuộc BCH QS tỉnh	Hoài Nhơn	1.500	
15	Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tường	Phù Cát	2.000	
16	Hệ thống nước sinh hoạt tự chảy xã Ân Nghĩa	Hoài Ân	1.400	
17	Nhà làm việc khối dân vận - Mặt trận huyện Vân Canh	Vân Canh	500	
18	Lắp đặt mới trạm biến áp 400kVA - 22/0,4kV Cấp điện cho khu Trung tâm hành chính thị trấn An Lão	An Lão	500	
19	Đường dây 22kv và TBA 400kVA- 22/0,4Kv cấp điện khu dân dân Gò Đất Đạo và Soi SX Vạn Xuân	An Lão	700	
20	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến QL19 (đoạn từ thôn Phú An đến siêu thị Vinatext và đoạn từ cầu Phú Phong đến khối Hòa Lạc, thị trấn Phú Phong), huyện Tây Sơn	Tây Sơn	1.000	
21	Trụ sở UBND xã Ân Mỹ (HM: Nhà làm việc)	Hoài Ân	1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
22	Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải, đoạn từ thôn Kim Giao Nam đến đến thôn Kim Giao Bắc (gđ 1)	Hoài Nhơn	2.500	
23	Sửa chữa văn phòng làm việc HĐND tỉnh	Quy Nhơn	500	
24	Nhà văn hóa xã Phước Thuận	Tuy Phước	800	
25	Đê sông An Lão (đoạn An Hòa - giai đoạn 2)	An Lão	5.000	
26	Đê Thiết Trụ, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	An Nhơn	500	
27	Đường chuyên dụng phía Tây (giai đoạn 2)	Quy Nhơn	10.000	Thực hiện đến nhà máy Tôn Hoa Sen
C	VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT		100.000	
I	Ngành Y tế		13.785	
a	Các dự án hoàn thành		11.385	
1	Sửa chữa trụ sở Sở Y tế	Quy Nhơn	610	Dứt điểm
2	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	2.000	
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định - Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị y tế cho Nhà mổ	Quy Nhơn	300	
4	Sửa chữa, cải tạo Khoa Hồi sức cấp cứu nội	Quy Nhơn	125	
5	Trạm y tế xã Mỹ Lộc	Phù Mỹ	1.000	
6	Bệnh viện Y học Cổ truyền Bình Định	Quy Nhơn	4.500	
7	Sửa chữa trụ sở làm việc Hội Chữ thập đỏ	Quy Nhơn	350	
8	Trạm y tế xã Ân Mỹ	Hoài Ân	500	
9	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn - Nhà điều trị 251 giường	Quy Nhơn	2.000	
c	Các dự án chuyển tiếp		2.400	
1	Trạm Y tế xã Hoài Hào	Hoài Nhơn	1.000	
2	Trạm Y tế xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn	Hoài Nhơn	500	
3	Trạm Y tế xã Tam Quan Nam	Hoài Nhơn	500	
4	Trạm Y tế xã Phước Hiệp	Tuy Phước	400	
II	Ngành Giáo dục và Đào tạo		38.104	
a	Các dự án hoàn thành		28.204	
1	Nhà ký túc xá số 5&6, trường cao đẳng Bình Định	Quy Nhơn	483	Dứt điểm
2	Trường THPT Quang Trung, huyện Tây Sơn	Tây Sơn	1.000	
3	Trường THPT Nguyễn Diêu, huyện Tuy Phước (HM: San nền, tường rào; Nhà vệ sinh; Nhà lớp học bộ môn)	Tuy Phước	1.000	
4	Trường THPT Tây Sơn, huyện Tây Sơn (HM: Nhà lớp học bộ môn)	Tây Sơn	120	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Trường THPT Trưng Vương, thành phố Quy Nhơn (HM: Nhà lớp học bộ môn)	Quy Nhơn	750	
6	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, thị xã An Nhơn (HM: Nhà lớp học 06 phòng + Nhà bộ môn 03 phòng)	An Nhơn	1.000	
7	Trường TH KT-KT An Nhơn <i>Nhà lớp học chức năng</i>	An nhơn	600	
8	Trường Trung học KT - KT An Nhơn <i>Nhà thi đấu đa năng</i>	An nhơn	600	
9	Trường Chính trị tỉnh	Quy Nhơn	500	
10	Trường mẫu giáo số 2 Hoài Tân (thôn An Dưỡng 1)	Hoài Nhơn	1.500	
11	Trường mẫu giáo số 1 Hoài Tân (thôn Đệ Đức 3)	Hoài Nhơn	1.500	
12	Trường mầm non Tây Giang	Tây Giang	400	dứt điểm
13	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc	Tam Quan Bắc	1.100	
14	Trường TH Bồng Sơn	Bồng Sơn	1.100	
15	Trường TH số 2 Phước Hiệp	Phước Hiệp	13	
16	Trường THCS Phước An	Phước An	160	
17	Trường THCS Phước Hiệp (nhà bộ môn)	Phước Hiệp	160	
18	Trường THCS Ân Mỹ	Hoài Ân	300	
19	Trường TH số 2 TT Vân Canh	TT Vân Canh	500	
20	Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thị Đào (HM: XD mới 04 phòng nhà bộ môn; sửa chữa chuyên đổi các phòng học cấp 4 thành nhà hiệu bộ)	Vĩnh Quang	350	
21	Trường TH và THCS Vĩnh Hòa (HM: XD 04 phòng học và 04 phòng bộ môn)	Vĩnh Thạnh	1.500	
22	Trường Tiểu học số 2 phường Bình Định (điểm trường khu Thanh niên)	An nhơn	500	
23	Trường Tiểu học Nhơn Tân (Điểm Nam Tượng 3)	Nhơn Tân	350	
24	Trường tiểu học số 2 Cát Khánh (điểm trường An Phú)	Phù Cát	416	
25	Trường TH số 1 Nhơn Thành	An Nhơn	250	
26	Trường TH Ngô Mây	Quy Nhơn	500	
27	Trường TH Số 2 Mỹ Thắng	Phù Mỹ	350	
28	Trường Tiểu học số 1 Cát Tài	Cát Tài	700	
29	Trường Mẫu giáo Vĩnh Quang (Nhà hiệu bộ, nhà ăn)	Vĩnh Thạnh	1.000	

Zm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
30	Các Công trình phổ cập giáo dục - mầm non trẻ 5 tuổi (dự kiến hoàn thành trong năm 2016)		9.501	
30.a	UBND huyện An Lão		1.250	
(1)	Mẫu giáo xã An Hòa (3p TXPB+1T vạn long)	An Hòa	400	
(2)	Mẫu giáo xã An Tân (2p T Tân An)	An Tân	300	
(3)	Mẫu giáo xã An Hưng (1p T4+1p T5)	An Hưng	450	
(4)	Mẫu giáo xã An Trung (1p T3+1p T5)	An Trung	100	
30.b	UBND huyện Vĩnh Thạnh		650	
(1)	Mẫu giáo Vĩnh Sơn (Suối đá)	Vĩnh Sơn	250	
(2)	Mẫu giáo Vĩnh Kim (Làng O3, O5)	Vĩnh Kim	400	
30.c	UBND huyện Vân Canh		600	
(1)	Trường MG Canh Thuận (Làng Kà Te)	Canh Thuận	300	
(2)	Trường MG Canh Hòa (Làng Canh Lành)	Canh Hòa	300	
30.d	An Nhơn		24	
(1)	MG Nhơn An (Thái Thuận)	Nhơn An	24	
30.e	Hoài Nhơn		6.742	
(1)	Trường Mẫu giáo TT Tam Quan	Tam Quan	400	
(2)	Trường Mẫu giáo Hoài Châu Bắc	Hoài Châu Bắc	242	
(3)	Trường Mẫu giáo Hoài Hải	Hoài Hải	1.000	
(4)	Trường MN Hoài Hương (thôn Nhuận An)	Hoài Hương	1.100	
(5)	Trường Mẫu giáo Hoài Thanh Tây	Hoài Thanh Tây	1.400	
(6)	Trường MN Hoài Phú	Hoài Phú	500	
(7)	Trường MN Tam Quan Nam	Tam Quan Nam	1.000	
(8)	Trường MG Hoài Thanh	Hoài Thanh	1.100	
30.g	Vĩnh Thạnh		235	
(1)	Trường Mầm non huyện Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	235	
b	Các dự án chuyển tiếp		9.900	
1	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (nhà lớp học bộ môn)	Quy Nhơn	2.300	
2	Trường PT dân tộc bán trú Canh Liên	Vân Canh	1.200	
3	Trường TH số 2 Ân Tín	Hoài Ân	1.000	
4	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (Lộc Thuận)	An Nhơn	500	
5	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (Nhơn Thiện)	An Nhơn	600	
6	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (Thái Xuân)	An Nhơn	500	
7	Trường THCS Cát Hải	Phù Cát	1.500	
8	Nhà thực hành nghề thuộc trường Cao Đẳng Bình Định	Quy Nhơn	2.300	
III	Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch		17.511	
a	Các dự án hoàn thành		12.511	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Tượng đài chiến thắng An Lão	An Lão	2.636	dứt điểm
2	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Bình Định	Quy Nhơn	2.775	dứt điểm
3	Tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích tháp Bình Lâm	Tuy Phước	1.100	
4	Lăng mộ Mai Xuân Thưởng	Tây Sơn	1.100	
5	Khu di tích Vụ thám sát Kim Tài	An Nhơn	1.100	
6	Cụm di tích Tháp Bánh Ít	Tuy Phước	1.100	
7	Sửa chữa, nâng cấp di tích mộ tập thể chiến sĩ Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 12, Sư đoàn 3-Sao vàng	An Nhơn	1.100	
8	Đền thờ danh nhân văn hóa Đào Tấn	Tuy Phước	800	
9	Di tích lịch sử vụ thám sát Nho Lâm	Tuy Phước	800	
b	Các dự án chuyển tiếp		5.000	
1	Các bia di tích đã được xếp hạng và các địa danh là nhà tù hoặc được coi là nhà tù của địch trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh	1.000	
2	Khu di tích nhà tù Phú Tài	Quy Nhơn	4.000	
IV	Ngành khoa học và công nghệ		900	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành		900	
1	Cải tạo môi trường cảnh quan thuộc Trung tâm Quốc tế KH và GD liên ngành	Quy Nhơn	900	
V	Các dự án khởi công mới năm 2017		29.700	
1	Trường THPT chuyên phía Bắc tỉnh (HM: Sửa chữa các dãy nhà, xây tường rào, TTB đồ gỗ)	Hoài Nhơn	2.500	
2	Trường THPT Hùng Vương	Quy Nhơn	1.000	
3	Trường Chuyên Lê Quý Đôn (gđ 1: SVĐ, đường chạy; nhà để xe học sinh)	Quy Nhơn	600	
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên TP Quy Nhơn (HM: Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng)	Quy Nhơn	600	
5	Trường mầm non Phước Hưng (cụm An Cừu)	Tuy Phước	400	
6	Trường TH số 2 Phước Quang	Tuy Phước	500	
7	Trường MN phường Bình Định (Kim Châu)	An Nhơn	500	
8	Trường THCS Cát Tiến	Phù Cát	500	
9	Trường TH An Toàn (3P nhà công vụ)	An Lão	400	
10	Trường THPT Ngô Lê Tân	Phù Cát	1.000	
11	Trạm Y tế xã Cát Tường	Phù Cát	700	

2017

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
12	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khoa Ngoại thần kinh cột sống và khoa ngoại ung bướu (cũ)	Quy Nhơn	2.700	
13	Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn	Hoài Nhơn	10.000	
14	Trường TH Võ Xán 2	Tây Sơn	800	
15	Khu di tích và Tượng đài chiến thắng Đèo Nhông - Dương Liễu	Phù Mỹ	5.000	
16	Khu di tích cây số 7 Tài Lương	Hoài Nhơn	2.000	
17	Trung tâm Bảo trợ Xã hội Bình Định	An Nhơn	500	
D	NGUỒN VỐN KHÁC NGÂN SÁCH TỈNH		95.000	
a	Các dự án hoàn thành		5.000	
1	Khu tưởng niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc tại di tích Huyện đường Bình Khê	Tây Sơn	5.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		80.000	
1	Tượng đài Nguyễn Sinh Sắc - Nguyễn Tất Thành	Quy Nhơn	80.000	
c	Dự án khởi công mới		10.000	
1	Mở rộng đường Xuân Diệu, TP QN	Quy Nhơn	10.000	
E	VỐN VAY NH PTVN		100.000	
I	Chương trình bê tông giao thông nông thôn và KCH kênh mương, hỗ trợ làng nghề		70.000	
II	Bố trí cho các công trình		30.000	
G	VỐN VAY TỶN NGÂN KBNN		200.000	
a	Các dự án hoàn thành		41.600	
1	Mở rộng đường Trần Phú (đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường Tăng Bạt Hổ)	Quy Nhơn	5.000	
2	Mở rộng đường Nguyễn Thị Định từ ngã ba Ngô Mây đến đường đến đường Ngô Gia Tự	Quy Nhơn	5.000	
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	Phù Cát	2.000	
4	Đường tỉnh lộ ĐT 638 (Điều trị - Mục Thịnh)	Vân Canh	5.000	
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ KCN Nhơn Hòa	An Nhơn	2.600	
6	Kết cấu hạ tầng khu TĐC phục vụ KCN Nhơn Hòa	An Nhơn	5.000	
7	Đê biển thôn Lý Hưng và Lý Lương, xã Nhơn Lý (giai đoạn 1). Hạng mục bổ sung: Đoạn đê từ nhà ông Thái đến nhà ông Lắm	Quy Nhơn	3.000	
8	Đê kè chống xói lở bờ biển Tam Quan (giai đoạn 2)	Hoài Nhơn	14.000	
b	Các dự án chuyển tiếp		130.400	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Trung tâm hội nghị của tỉnh	Quy Nhơn	20.000	
2	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	Phù Mỹ	1.400	
3	Đường từ cầu trường thi đi QL 19 (thực hiện GĐ1)	An Nhơn	5.000	
4	Nâng cấp, mở rộng đường vào Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành	Quy Nhơn	4.000	
5	Dự án Cầu Hoa Lư (nối đường Hoa Lư với khu dân cư Đông Điện Biên Phủ)	Quy Nhơn	15.000	
8	Đại đội trình sát	Quy Nhơn	5.000	
9	Nhà làm việc 2A Trần Phú	Quy Nhơn	5.000	CBĐT
10	Xây dựng mới Bệnh viện khu vực (Tiểu dự án: Sân nền Mặt bằng)	Quy Nhơn	5.000	
11	Tuyến đường QL19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A)	Quy Nhơn, Tuy Phước	10.000	Di dời hạ tầng và các khu tái định cư QL 19
12	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D (đoạn từ ngã ba Long Vân đến Bến xe khách liên tỉnh)	Quy Nhơn	10.000	Đầu tư hệ thống cây xanh và chiếu sáng
13	Đường phía Tây tỉnh (ĐT 639B) (HM: Km130+00 - Km 137+580)	VC-QN	50.000	
d	Các dự án khởi công mới năm 2017		28.000	
1	Dự án triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bình Định giai đoạn 2017-2020	Toàn tỉnh	8.000	
2	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	Quy Nhơn	20.000	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU ĐÃ BỐ TRÍ VỐN VAY NH PTVN NĂM 2016 CHƯA CÓ NGUỒN THANH TOÁN CHUYỂN SANG BỐ TRÍ NĂM 2017 ĐỂ THANH TOÁN

(Kèm theo Quyết định số ~~4583~~ /QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch 2017	Ghi chú
	TỔNG SỐ		40.000	
	Các dự án hoàn thành		40.000	
1	BTXM tuyến đường Ân Đức đi Thị trấn Tăng Bạt Hổ; Hạng mục: BTXM đoạn từ trường Tiểu học số 2 Ân Đức đi cầu Bến Bò	Hoài Ân	552	Dứt điểm
2	Tuyến đường từ Xuân Khánh đến Mỹ Thọ, xã Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	1.240	Dứt điểm
3	Bê tông kênh mương đập dâng Đồng Tranh	Hoài Ân	790	Dứt điểm
4	Hệ thống kênh mương 3 bàu Thiện Đức, xã Hoài Hương	Hoài Nhơn	1.200	Dứt điểm
5	Kiên cố hóa kênh mương xã Cát Hiệp, tuyến từ đập Rừng Rinh đến giáp đồng Gò Dầu	Phù Cát	668	Dứt điểm
6	Bê tông kênh mương từ N21 - Cổng Cây Bàng, xã Phước Nghĩa	Tuy Phước	1.500	Dứt điểm
7	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Quán Á - Đồng Le (Đoạn từ QL19 đến Dân tế trời đất)	Tây Sơn	270	Dứt điểm
8	Kiên cố hóa kênh mương thị trấn Điều Trị	Tuy Phước	1.270	Dứt điểm
9	Đường giao thông Giao Hội 1, xã Hoài Tân	Hoài Nhơn	400	Dứt điểm
10	Kênh mương Lộc Đồng - Kiên Giang	Tây Sơn	830	Dứt điểm
11	Tuyến đường từ tỉnh lộ ĐT634 vào Sơn Lâm, xã Cát Sơn	Phù Cát	500	Dứt điểm
12	Đường giao thông nông thôn xã Hoài Thanh	Hoài Nhơn	1.140	Dứt điểm
13	Bê tông kênh mương Đá Nhảy	An Lão	1.150	Dứt điểm
14	Đường giao thông nông thôn xã Canh Vinh	Vân Canh	540	Dứt điểm
15	Kiên cố hóa kênh mương Sơn Hòa	Tuy Phước	2.400	Dứt điểm
16	BTXM kênh mương thôn An Nội	Vĩnh Thạnh	482.427	Dứt điểm
17	Kiên cố hóa kênh mương đầu mối đập dâng Lộ Nội	Phù Cát	1.417.573	Dứt điểm
18	Kênh mương nội đồng xã Vĩnh Hiệp	Vĩnh Thạnh	700	Dứt điểm
19	Bê tông xi măng kênh mương nội đồng xã Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	2.300	Dứt điểm
20	Đường vào khu sản xuất xã Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	700	Dứt điểm
21	Kênh mương Tà Loan, xã An Hưng	An Lão	1.300	Dứt điểm
22	Tuyến đường từ thôn Kiều Huyền đến thôn Kiều An, xã Cát Tân	Phù Cát	2.000	Dứt điểm
23	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 630 nối với đường Tây tỉnh	Hoài Ân	1.100	Dứt điểm
24	Cầu Lạc Diên (Km1+004 tuyến ĐT640)	Tuy Phước	1.300	Dứt điểm
25	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐT632 (đoạn Km24+00 - Km33+00)	Phù Mỹ	1.200	Dứt điểm
26	Kênh N2 hồ Núi Một (đoạn qua KCN Nhơn Hòa)	An Nhơn	1.200	Dứt điểm
27	Hệ thống kênh mương cấp nước nuôi trồng thủy sản xã Phước Thắng, Phước Hòa	Tuy Phước	1.700	Dứt điểm
28	Kiên cố hóa kênh mương hồ chứa nước Hóc Môn	Phù Mỹ	1.200	Dứt điểm
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636A đi cầu Ông Bằng, xã Nhơn Hạnh	An Nhơn	1.100	Dứt điểm
30	Tuyến đường dọc kênh lại Giang, thị trấn Bồng Sơn (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4)	Hoài Nhơn	1.000	Dứt điểm
31	Kênh tiêu 3 huyện An Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát	3 huyện	1.000	Dứt điểm
32	BTXM tuyến đường ĐT635 đi Chánh Lý, xã Cát Tường, huyện Phù Cát	Phù Cát	1.300	

